TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 01 - 2020
V/v ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 579/2019/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 525/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Tuyết C, sinh năm 1996; cư trú tại: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Đặng Trường T, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp MH, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Tuyết C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2017, được sự thống nhất của hai thân tộc, cha mẹ hai bên nên chị và anh Đặng Trường Th tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân khoảng 02 năm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Đặng Thành Đ, sinh ngày 06/3/2018 hiện cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Đối với anh Đặng Trường T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Tuyết C khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Đặng Trường T là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2017, chị C và anh T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình tại Uỷ ban nhân dân xã NH. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị C xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Tuy nhiên, anh T không có ý kiến đối với nguyên nhân mâu thuẫn do chị C trình bày. Như vậy, những nguyên nhân mâu thuẫn do chị C xác định thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định anh T không thật sự còn quan tâm hay tha thiết gì đến mối quan hệ hôn nhân với chị C, không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án.

Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị C và anh T đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xãy ra. Việc này được thể hiện đó là vợ chồng đã ly thân khoảng 02 năm, nhưng cả hai không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống

chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử cháu Đ chưa tròn 36 tháng tuổi, hiện đang sống chung với chị C có điều kiện phát triển bình thường, đồng thời chị C đảm bảo điều kiện nuôi dạy con. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi, còn anh T không có ý kiến về nuôi con. Xét thấy: Theo khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do đó, để tránh thay đổi về mối trường sống, cũng như sự phát triển bình thường của cháu Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C về con chung.

[6] Xét về cấp dưỡng, tài sản chung và các vấn đề khác: Chị C không yêu cầu tòa án giải quyết, còn anh T thì không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Chị Cầm phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Tuyết C được ly hôn với anh Đặng Trường T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thành Đ, sinh ngày 06/3/2018 cho chị Nguyễn Tuyết C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đặng Trường T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Tuyết C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010075 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Nguyễn Tuyết C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Uỷ ban nhân dân xã Nguyễn Huân, H. Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh